

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BÌNH THUẬN

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề thi có 04 trang)

KỲ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2016

Môn thi: Hóa học

Thời gian làm bài: 90 phút

(50 câu trắc nghiệm)

Mã đề thi
132

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Họ, tên thí sinh:..... Số báo danh:

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H=1, C=12, N=14, O=16, Na=23, Mg=24, Al=27, P=31, S=32, Cl=35.5, K=39, Ca=40, Fe=56, Cu=64, Zn=65, Br=80, Ag=108, Ba=137.

Câu 1: Cho 2,7 gam Al tác dụng với dung dịch NaOH dư. Sau khi phản ứng kết thúc, thể tích khí H_2 (ở đktc) thoát ra là:

- A. 3,36 lít. B. 6,72 lít. C. 2,24 lít. D. 4,48 lít.

Câu 2: Người ta tiến hành trộn các khí sau đây với nhau: H_2 và F_2 (1); Cl_2 và O_2 (2); H_2S và N_2 (3); CO và O_2 (4); NH_3 và Cl_2 (5); H_2S và SO_2 (6); HI và O_3 (7). Những hỗn hợp khí **không** tồn tại ở nhiệt độ thường là

- A. (1); (2); (6); (7). B. (1); (5); (6); (7). C. (1); (3); (4); (5). D. (1); (3); (6); (7).

Câu 3: Thuốc thử để phân biệt Ala-Ala với Ala-Ala-Ala là

- A. dung dịch NaOH. B. $Cu(OH)_2$ trong môi trường kiềm.
C. dung dịch HCl. D. dung dịch H_2SO_4 loãng.

Câu 4: Hòa tan m gam hỗn hợp gồm Na và Al vào nước dư được dung dịch X và 13,44 lít khí (đktc), còn lại 0,5 gam chất rắn không tan. Giá trị của m là

- A. 15,5 gam. B. 15,0 gam. C. 14,3 gam. D. 17,0 gam.

Câu 5: Số electron lớp ngoài cùng của các kim loại thuộc nhóm IIA là

- A. 1 B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 6: Amino axit X có công thức $H_2NC_xH_y(COOH)_2$. Cho 0,1 mol X vào 0,2 lít dung dịch H_2SO_4 0,5M thu được dung dịch Y. Cho Y phản ứng vừa đủ với dung dịch NaOH 1M và KOH 3M thu được dung dịch chứa 36,7 gam muối. Phần trăm khối lượng nitơ trong X là

- A. 11,966%. B. 10,526%. C. 9,524%. D. 10,687%.

Câu 7: Khi cho dung dịch $Ca(OH)_2$ vào dung dịch $Ca(HCO_3)_2$ thấy có

- A. bọt khí bay ra. B. bọt khí và kết tủa trắng.
C. kết tủa trắng xuất hiện. D. kết tủa trắng sau đó kết tủa tan dần.

Câu 8: Monome nào sau đây **không** có khả năng tham gia phản ứng trùng hợp:

- A. Etylen glycol. B. Propen. C. Stiren. D. Etilen.

Câu 9: Hòa tan hết 4,6 gam Na vào 50 gam H_2O . Nồng độ phần trăm của dung dịch thu được là:

- A. 14,70%. B. 14,65%. C. 9,20%. D. 8,46%.

Câu 10: Nhỏ từ từ dung dịch H_2SO_4 loãng vào dung dịch Na_2CrO_4 thì dung dịch chuyển từ

- A. màu da cam sang màu vàng. B. màu vàng sang màu da cam.
C. không màu sang màu da cam. D. không màu sang màu vàng.

Câu 11: Nếu đốt cháy hết m gam PE cần 3360 lít O_2 (đktc). Giá trị m và hệ số trùng hợp của PE lần lượt là:

- A. 2800 gam; 50. B. 1400 gam; 100. C. 2800 gam; 100. D. 1400 gam; 50.

Câu 12: Có các khí lẫn hơi nước sau: CO_2 , H_2S , NH_3 , SO_3 , Cl_2 . Số chất khí có thể được làm khô bằng dung dịch H_2SO_4 98% là

- A. 5. B. 3. C. 4. D. 2.

Câu 13: Trong các loại tơ sau: tằm, visco, axetat, capron, nylon-6,6. Tơ nào thuộc loại tổng hợp?

- A. capron, nylon-6,6. B. tằm, axetat. C. visco, axetat. D. visco, nylon-6,6.

Câu 14: Đốt cháy hoàn toàn một ancol X thì số mol CO_2 thu được bằng 75% số mol H_2O tạo thành; tổng số mol CO_2 và H_2O bằng $\frac{14}{9}$ lần tổng số mol của X và O_2 đã phản ứng. Cho 6,9 gam X tác dụng với Na dư thì thu được V lít H_2 (đktc). Giá trị của V là

- A. 1,28. B. 1,68. C. 2,52. D. 1,12.

Câu 15: Trong số các kim loại: Al, Ag, Cu, Fe. Kim loại dẫn điện tốt nhất là

- A. Al. B. Ag. C. Fe. D. Cu.

Câu 16: Cho các chất but-1-en; but-2-en; but-1-in; buta-1,3-đien; vinyl axetilen; isopren; propen. Có bao nhiêu chất tác dụng với H_2 dư (xúc tác Ni, đun nóng) tạo ra butan?

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 17: Cho viên kẽm nguyên chất vào dung dịch chứa các ion: Ag^+ , Fe^{2+} , Cu^{2+} , Pb^{2+} (ở điều kiện thường, Zn dùng dư) thứ tự các ion kim loại lần lượt bị khử là:

- A. Ag^+ , Cu^{2+} , Fe^{2+} , Pb^{2+} . B. Fe^{2+} , Cu^{2+} , Pb^{2+} , Ag^+ .
C. Ag^+ , Cu^{2+} , Pb^{2+} , Fe^{2+} . D. Cu^{2+} , Pb^{2+} , Ag^+ , Fe^{2+} .

Câu 18: Số đồng phân amin bậc hai ứng với công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_{11}\text{N}$ là

- A. 5. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 19: Cho các đồng phân đơn chức, mạch hở của hợp chất có công thức phân tử $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ lần lượt tác dụng với Na, NaOH và CaCO_3 . Số phản ứng xảy ra là

- A. 2. B. 4. C. 5. D. 3.

Câu 20: Cho 6,4 gam hỗn hợp gồm CuO và Fe_2O_3 tác dụng hết với dung dịch HCl 0,1M thu được hai muối có tỉ lệ mol 1:1. Thể tích dung dịch HCl đã tham gia phản ứng là:

- A. 2,0 lít. B. 1,0 lít. C. 1,5 lít. D. 0,5 lít.

Câu 21: Đun nóng 25,5 gam hỗn hợp X gồm bột Al và Fe_3O_4 cho đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được hỗn hợp rắn Y. Đem hết hỗn hợp rắn Y cho vào dung dịch NaOH dư thu được 3,36 lít khí H_2 (đktc). Thành phần % về khối lượng của Fe_3O_4 có trong hỗn hợp X là

- A. 63,25%. B. 31,76%. C. 36,75%. D. 68,24%.

Câu 22: Thí nghiệm nào sau đây thu được kết tủa sau phản ứng

- A. Cho dung dịch NaOH đến dư vào dung dịch $\text{Cr}(\text{OH})_3$.
B. Cho dung dịch NH_3 đến dư vào dung dịch AlCl_3 .
C. Cho dung dịch HCl đến dư vào dung dịch NaAlO_2 .
D. Thổi CO_2 đến dư vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$.

Câu 23: Cho hỗn hợp X gồm CH_4 , C_2H_4 và C_2H_2 . Lấy 8,6 gam X tác dụng hết với dung dịch brom, dư thì khối lượng brom phản ứng là 48 gam. Mặt khác, nếu cho 13,44 lít (đktc) hỗn hợp khí X tác dụng với một lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , thu được 36 gam kết tủa. Phần trăm thể tích của C_2H_2 trong hỗn hợp X là

- A. 50%. B. 35%. C. 75%. D. 25%.

Câu 24: Chất phản ứng với H_2 tạo thành sobitol là

- A. xenlulozơ. B. saccarozơ. C. glucozơ. D. tinh bột.

Câu 25: Cho dãy các chất: $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2$, NH_4Cl , $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$, ZnSO_4 , $\text{Al}(\text{OH})_3$, $\text{Cr}(\text{OH})_3$. Số chất có tính chất lưỡng tính là

- A. 2. B. 5. C. 3. D. 4.

Câu 26: Cho HCHO phản ứng với H_2 (xúc tác Ni, đun nóng) thu được

- A. CH_3OH . B. HCOOH . C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. D. CH_3COOH .

Câu 27: Có bao nhiêu đồng phân của hợp chất có công thức phân tử $\text{C}_5\text{H}_{12}\text{O}$, tác dụng với CuO dư, đun nóng sinh ra andehit.

- A. 5. B. 6. C. 3. D. 4.

Câu 28: Lưu huỳnh trong chất nào sau đây chỉ thể hiện tính khử

- A. H_2S . B. SO_2 . C. SO_3 . D. H_2SO_4 .

Câu 29: Chất được dùng để tẩy trắng giấy và bột giấy trong công nghiệp là

- A. CO_2 . B. NO_2 . C. N_2O . D. SO_2 .

Câu 30: Số đồng phân este của hợp chất có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ là

A. 3.

B. 5.

C. 4.

D. 2.

Câu 31: Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp gồm 3 amin thu được 3,36 lít CO_2 (đktc); 5,4 gam H_2O và 1,12 lít N_2 (đktc). Giá trị của m là

A. 3,1.

B. 3,6.

C. 3,8.

D. 3,5.

Câu 32: Cho các hợp chất hữu cơ: C_2H_6 ; C_2H_4 ; C_2H_2 ; CH_2O ; CH_2O_2 (mạch hở); $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ (mạch hở, đơn chức). Biết $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ không làm chuyển màu quỳ tím ẩm. Có bao nhiêu chất tác dụng được với dung dịch AgNO_3 trong NH_3 tạo ra kết tủa.

A. 3

B. 4.

C. 2

D. 5.

Câu 33: Thủy phân m gam tinh bột, sản phẩm thu được đem lên men để sản xuất ancol etylic, toàn bộ khí CO_2 sinh ra cho qua dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ dư thu được 850 gam kết tủa. Biết hiệu suất mỗi giai đoạn là 85%. Giá trị của m là

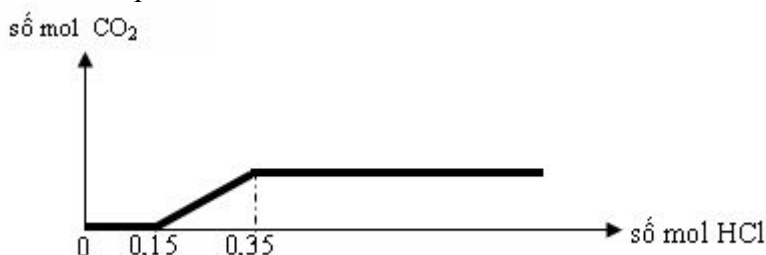
A. 476,5.

B. 810,0.

C. 688,5.

D. 952,9.

Câu 34: Cho từ từ dung dịch HCl vào dung dịch có chứa a mol NaHCO_3 và b mol Na_2CO_3 . Số mol khí CO_2 thu được phụ thuộc vào số mol HCl được biểu diễn trên đồ thị sau:



Tỉ lệ của a:b là:

A. 1:3

B. 3:4

C. 7:3

D. 4:3

Câu 35: Để chứng minh hợp chất $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOH}$ lưỡng tính, ta có thể dùng phản ứng của chất này lần lượt với các dung dịch

A. HCl; Br_2 .

B. NaOH; NaCl.

C. NaCl; HCl.

D. NaOH; HCl.

Câu 36: Điện phân dung dịch muối MCl_n với điện cực trơ. Ở catot thu được 16 gam kim loại M, ở anot thu được 5,6 lít khí (đktc). Kim loại M là

A. Fe.

B. Zn.

C. Cu.

D. Al.

Câu 37: Cho m gam hỗn hợp X gồm CuO , Na_2O , Al_2O_3 hoà tan hết vào nước thu được 400 ml dung dịch Y chỉ chứa một chất tan duy nhất có nồng độ 0,5M và một chất rắn G. Lọc tách G, cho luồng khí H_2 dư đi qua G nung nóng thu được chất rắn F. Hòa tan hết F trong dung dịch HNO_3 thu được 0,448 lít (đktc) hỗn hợp khí gồm NO_2 và NO có tỉ khối so với Oxi bằng 1,0625. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị m là

A. 18,0.

B. 26,0.

C. 34,8.

D. 18,4.

Câu 38: Hòa tan hoàn toàn 20,5 gam hỗn hợp gồm ba kim loại Fe, Al, Cu bằng dung dịch HNO_3 loãng, dư thu được 8,96 lít khí NO (đktc, NO là sản phẩm khử duy nhất) và dung dịch X. Cô cạn dung dịch X thì lượng muối khan thu được là

A. 94,9 gam.

B. 45,3 gam.

C. 58,8 gam.

D. 90,5 gam.

Câu 39: Khối lượng của tinh bột cần dùng để điều chế 5 lít ancol etylic 46° (hiệu suất của cả quá trình: 72%; khối lượng riêng của ancol etylic nguyên chất: 0,8 g/ml) là

A. 5,0 kg.

B. 5,4 kg.

C. 6,0 kg.

D. 4,5 kg.

Câu 40: Đốt cháy hoàn toàn 3,6 gam este X đơn chức mạch hở. Dẫn toàn bộ sản phẩm cháy vào bình đựng dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ dư. Sau thí nghiệm thu được 15 gam kết tủa và khối lượng dung dịch giảm 6,6 gam. Tên của X là

A. Vinyl fomat.

B. Metyl fomat.

C. Etyl axetat.

D. Metyl axetat.

Câu 41: Hợp chất X đốt trên đèn cồn cho ngọn lửa màu vàng tươi, hợp chất X có thể tác dụng với dung dịch HCl loãng có khí bay ra. Vậy X là

A. Na_2SO_3 .

B. K_2CO_3 .

C. Li_2CO_3 .

D. Na_2SO_4 .

Câu 42: Cho 12,4 gam chất X có công thức phân tử $C_3H_{12}N_2O_3$ đun nóng với 2 lít dung dịch NaOH 0,15M. Sau phản ứng hoàn toàn thu được chất khí Y làm xanh giấy quì tím ẩm và dung dịch Z. Cô cạn Z rồi nung đến khối lượng không đổi thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là

- A. 14,6 gam. B. 17,4 gam. C. 24,4 gam. D. 16,2 gam.

Câu 43: Cho 0,1 mol P_2O_5 vào dung dịch chứa 0,35 mol KOH. Dung dịch thu được có các chất

- A. K_3PO_4 và K_2HPO_4 . B. K_3PO_4 và KOH.
C. K_2HPO_4 và KH_2PO_4 . D. H_3PO_4 và KH_2PO_4 .

Câu 44: Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm FeS_2 và Cu_2S trong dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng, dư thu được 4,48 lít SO_2 (đktc). Nếu hòa tan m gam hỗn hợp X trên trong dung dịch HNO_3 đặc, nóng dư thì thu được dung dịch Y. Lấy $\frac{1}{2}$ dung dịch Y cho tác dụng với dung dịch $BaCl_2$ dư thu được 5,825 gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 5,2. B. 4,4. C. 2,8. D. 4,0.

Câu 45: Hỗn hợp X gồm Al, Fe_xO_y . Tiến hành phản ứng nhiệt nhôm hoàn toàn m gam hỗn hợp X trong điều kiện không có không khí thu được hỗn hợp Y. Chia Y thành 2 phần:

- Phần 1: Cho tác dụng với NaOH dư thu được 1,008 lít H_2 (đktc) và còn lại 5,04 gam chất rắn không tan.

- Phần 2: Có khối lượng 29,79 gam cho tác dụng với dung dịch HNO_3 loãng dư thu được 8,064 lít NO (đktc, NO là sản phẩm khử duy nhất).

Giá trị của m và công thức của oxit sắt lần lượt là

- A. 39,72 gam và FeO. B. 39,72 gam và Fe_3O_4 .
C. 39,91 gam và FeO. D. 36,48 gam và Fe_3O_4 .

Câu 46: Hòa tan 54,44 gam hỗn hợp X gồm PCl_3 và PBr_3 vào nước được dung dịch Y. Để trung hòa hoàn toàn dung dịch Y cần 500 ml dung dịch KOH 2,6M. Thành phần % khối lượng của PCl_3 trong X là

- A. 26,96%. B. 12,25%. C. 8,08%. D. 30,31%.

Câu 47: Cho 75,2 gam hỗn hợp Fe và Cu vào 4 lít dung dịch HNO_3 a mol/l sau phản ứng thu được dung dịch X và 22,4 lít khí NO (đktc). Thêm dung dịch H_2SO_4 loãng dư vào dung dịch X lại thu được 4,48 lít NO (đktc). Biết NO là sản phẩm khử duy nhất trong 2 quá trình. Giá trị a là

- A. 1,2. B. 1,1. C. 1,0. D. 1,5.

Câu 48: Cấu hình electron của ion R^{3+} là: $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^5$. Trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. Nguyên tố R thuộc

- A. chu kì 4, nhóm VIIIB. B. chu kì 4, nhóm VIIB.
C. chu kì 3, nhóm VIIIA. D. chu kì 4, nhóm VIIIA.

Câu 49: Một loại quặng sắt, sau khi loại bỏ tạp chất, hòa tan hết vào HNO_3 có khí màu nâu bay ra. Dung dịch thu được tác dụng với $BaCl_2$ thấy tạo ra kết tủa không tan trong axit mạnh. Quặng sắt đó là

- A. Manhetit. B. Pirit. C. Xiđerit. D. Hematit.

Câu 50: Đốt cháy hoàn toàn 7,4 gam một este X thu được 6,72 lít khí CO_2 (đktc) và 5,4 gam H_2O . Biết rằng X có thể cho phản ứng tráng gương. Công thức cấu tạo của X là

- A. $HCOOCH_3$. B. $HCOOC_2H_5$. C. $HCOOC_3H_7$. D. C_2H_5COOH .

----- HẾT -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BÌNH THUẬN

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

KỲ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2016

Môn thi: Hóa học
Thời gian làm bài: 90 phút
(50 câu trắc nghiệm)

Mã đề thi
209

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Họ, tên thí sinh:..... Số báo danh:

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H=1, C=12, N=14, O=16, Na=23, Mg=24, Al=27, P=31, S=32, Cl=35.5, K=39, Ca=40, Fe=56, Cu=64, Zn=65, Br=80, Ag=108, Ba=137.

Câu 1: Monome nào sau đây **không** có khả năng tham gia phản ứng trùng hợp:

- A. Propen. B. Etylen glicol. C. Etilen. D. Stiren.

Câu 2: Thuốc thử để phân biệt Ala-Ala với Ala-Ala-Ala là

- A. dung dịch HCl. B. dung dịch NaOH.
C. dung dịch H₂SO₄ loãng. D. Cu(OH)₂ trong môi trường kiềm.

Câu 3: Hòa tan m gam hỗn hợp gồm Na và Al vào nước dư được dung dịch X và 13,44 lít khí (đktc), còn lại 0,5 gam chất rắn không tan. Giá trị của m là

- A. 15,5 gam. B. 15,0 gam. C. 14,3 gam. D. 17,0 gam.

Câu 4: Số electron lớp ngoài cùng của các kim loại thuộc nhóm IIA là

- A. 1 B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 5: Cho 0,1 mol P₂O₅ vào dung dịch chứa 0,35 mol KOH. Dung dịch thu được có các chất

- A. K₂HPO₄ và KH₂PO₄. B. K₃PO₄ và K₂HPO₄.
C. K₃PO₄ và KOH. D. H₃PO₄ và KH₂PO₄.

Câu 6: Hòa tan hết 4,6 gam Na vào 50 gam H₂O. Nồng độ phần trăm của dung dịch thu được là:

- A. 14,70%. B. 14,65%. C. 9,20%. D. 8,46%.

Câu 7: Để chứng minh hợp chất H₂N-CH₂-COOH lưỡng tính, ta có thể dùng phản ứng của chất này lần lượt với các dung dịch

- A. HCl; Br₂. B. NaOH; NaCl. C. NaCl; HCl. D. NaOH; HCl.

Câu 8: Cho viên kẽm nguyên chất vào dung dịch chứa các ion: Ag⁺, Fe²⁺, Cu²⁺, Pb²⁺ (ở điều kiện thường, Zn dùng dư) thứ tự các ion kim loại lần lượt bị khử là:

- A. Cu²⁺, Pb²⁺, Ag⁺, Fe²⁺. B. Ag⁺, Cu²⁺, Pb²⁺, Fe²⁺.
C. Ag⁺, Cu²⁺, Fe²⁺, Pb²⁺. D. Fe²⁺, Cu²⁺, Pb²⁺, Ag⁺.

Câu 9: Nhỏ từ từ dung dịch H₂SO₄ loãng vào dung dịch Na₂CrO₄ thì dung dịch chuyển từ

- A. màu da cam sang màu vàng. B. màu vàng sang màu da cam.
C. không màu sang màu da cam. D. không màu sang màu vàng.

Câu 10: Cấu hình electron của ion R³⁺ là: 1s²2s²2p⁶3s²3p⁶3d⁵. Trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. Nguyên tố R thuộc

- A. chu kì 4, nhóm VIIIB. B. chu kì 4, nhóm VIIB.
C. chu kì 3, nhóm VIIIA. D. chu kì 4, nhóm VIIIA.

Câu 11: Cho dãy các chất: Ca(HCO₃)₂, NH₄Cl, (NH₄)₂CO₃, ZnSO₄, Al(OH)₃, Cr(OH)₃. Số chất có tính chất lưỡng tính là

- A. 2. B. 4. C. 5. D. 3.

Câu 12: Cho hỗn hợp X gồm CH₄, C₂H₄ và C₂H₂. Lấy 8,6 gam X tác dụng hết với dung dịch brom, dư thì khối lượng brom phản ứng là 48 gam. Mặt khác, nếu cho 13,44 lít (đktc) hỗn hợp khí X tác dụng với một lượng dư dung dịch AgNO₃ trong NH₃, thu được 36 gam kết tủa. Phần trăm thể tích của C₂H₂ trong hỗn hợp X là

- A. 35%. B. 25%. C. 75%. D. 50%.

Câu 13: Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp gồm 3 amin thu được 3,36 lít CO₂ (đktc); 5,4 gam H₂O và 1,12 lít N₂ (đktc). Giá trị của m là

A. 3,6.

B. 3,5.

C. 3,1.

D. 3,8.

Câu 14: Đốt cháy hoàn toàn 3,6 gam este X đơn chức mạch hở. Dẫn toàn bộ sản phẩm cháy vào bình đựng dung dịch Ca(OH)_2 dư. Sau thí nghiệm thu được 15 gam kết tủa và khối lượng dung dịch giảm 6,6 gam. Tên của X là

A. Vinyl fomat.

B. Metyl fomat.

C. Etyl axetat.

D. Metyl axetat.

Câu 15: Có các khí lẫn hơi nước sau: CO_2 , H_2S , NH_3 , SO_3 , Cl_2 . Số chất khí có thể được làm khô bằng dung dịch H_2SO_4 98% là

A. 2.

B. 5.

C. 4.

D. 3.

Câu 16: Khi cho dung dịch Ca(OH)_2 vào dung dịch $\text{Ca(HCO}_3)_2$ thấy có

A. kết tủa trắng sau đó kết tủa tan dần.

B. bọt khí bay ra.

C. kết tủa trắng xuất hiện.

D. bọt khí và kết tủa trắng.

Câu 17: Cho 6,4 gam hỗn hợp gồm CuO và Fe_2O_3 tác dụng hết với dung dịch HCl 0,1M thu được hai muối có tỉ lệ mol 1:1. Thể tích dung dịch HCl đã tham gia phản ứng là:

A. 2,0 lít.

B. 1,0 lít.

C. 1,5 lít.

D. 0,5 lít.

Câu 18: Hợp chất X đốt trên đèn cồn cho ngọn lửa màu vàng tươi, hợp chất X có thể tác dụng với dung dịch HCl loãng có khí bay ra. Vậy X là

A. Na_2SO_3 .

B. Na_2SO_4 .

C. K_2CO_3 .

D. Li_2CO_3 .

Câu 19: Cho các đồng phân đơn chức, mạch hở của hợp chất có công thức phân tử $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ lần lượt tác dụng với Na , NaOH và CaCO_3 . Số phản ứng xảy ra là

A. 5.

B. 4.

C. 3.

D. 2.

Câu 20: Cho HCHO phản ứng với H_2 (xúc tác Ni , đun nóng) thu được

A. CH_3OH .

B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$.

C. HCOOH .

D. CH_3COOH .

Câu 21: Đốt cháy hoàn toàn một ancol X thì số mol CO_2 thu được bằng 75% số mol H_2O tạo thành; tổng số mol CO_2 và H_2O bằng $\frac{14}{9}$ lần tổng số mol của X và O_2 đã phản ứng. Cho 6,9 gam X tác dụng với Na dư thì thu được V lít H_2 (đktc). Giá trị của V là

A. 1,68.

B. 1,28.

C. 2,52.

D. 1,12.

Câu 22: Cho các hợp chất hữu cơ: C_2H_6 ; C_2H_4 ; C_2H_2 ; CH_2O ; CH_2O_2 (mạch hở); $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ (mạch hở, đơn chức). Biết $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ không làm chuyển màu quỳ tím ẩm. Có bao nhiêu chất tác dụng được với dung dịch AgNO_3 trong NH_3 tạo ra kết tủa.

A. 3

B. 4.

C. 2

D. 5.

Câu 23: Chất phản ứng với H_2 tạo thành sobitol là

A. xenlulozơ.

B. saccarozơ.

C. glucozơ.

D. tinh bột.

Câu 24: Cho 12,4 gam chất X có công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_{12}\text{N}_2\text{O}_3$ đun nóng với 2 lít dung dịch NaOH 0,15M. Sau phản ứng hoàn toàn thu được chất khí Y làm xanh giấy quỳ tím ẩm và dung dịch Z. Cô cạn Z rồi nung đến khối lượng không đổi thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là

A. 24,4 gam.

B. 16,2 gam.

C. 17,4 gam.

D. 14,6 gam.

Câu 25: Trong các loại tơ sau: tầm, visco, axetat, capron, nilon-6,6. Tơ nào thuộc loại tổng hợp?

A. visco, axetat.

B. visco, nilon-6,6.

C. capron, nilon-6,6.

D. tầm, axetat.

Câu 26: Đốt cháy hoàn toàn 7,4 gam một este X thu được 6,72 lít khí CO_2 (đktc) và 5,4 gam H_2O . Biết rằng X có thể cho phản ứng tráng gương. Công thức cấu tạo của X là

A. HCOOCH_3 .

B. HCOOC_3H_7 .

C. HCOOC_2H_5 .

D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$.

Câu 27: Số đồng phân este của hợp chất có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ là

A. 3.

B. 5.

C. 4.

D. 2.

Câu 28: Trong số các kim loại: Al , Ag , Cu , Fe . Kim loại dẫn điện tốt nhất là

A. Ag .

B. Cu .

C. Al .

D. Fe .

Câu 29: Cho m gam hỗn hợp X gồm CuO , Na_2O , Al_2O_3 hoà tan hết vào nước thu được 400 ml dung dịch Y chỉ chứa một chất tan duy nhất có nồng độ 0,5M và một chất rắn G. Lọc tách G, cho luồng khí H_2 dư đi qua G nung nóng thu được chất rắn F. Hòa tan hết F trong dung dịch HNO_3 thu được 0,448 lít (đktc) hỗn hợp khí gồm NO_2 và NO có tỉ khối so với Oxi bằng 1,0625. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị m là

A. 34,8.

B. 18,0.

C. 18,4.

D. 26,0.

Câu 30: Chất được dùng để tẩy trắng giấy và bột giấy trong công nghiệp là

A. CO_2 .

B. N_2O .

C. NO_2 .

D. SO_2 .

Câu 31: Thí nghiệm nào sau đây thu được kết tủa sau phản ứng

A. Cho dung dịch NH_3 đến dư vào dung dịch AlCl_3 .

B. Thổi CO_2 đến dư vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$.

C. Cho dung dịch HCl đến dư vào dung dịch NaAlO_2 .

D. Cho dung dịch NaOH đến dư vào dung dịch $\text{Cr}(\text{OH})_3$.

Câu 32: Có bao nhiêu đồng phân của hợp chất có công thức phân tử $\text{C}_5\text{H}_{12}\text{O}$, tác dụng với CuO dư, đun nóng sinh ra andehit.

A. 6.

B. 3.

C. 5.

D. 4.

Câu 33: Hỗn hợp X gồm Al , Fe_xO_y . Tiến hành phản ứng nhiệt nhôm hoàn toàn m gam hỗn hợp X trong điều kiện không có không khí thu được hỗn hợp Y. Chia Y thành 2 phần:

- Phần 1: Cho tác dụng với NaOH dư thu được 1,008 lít H_2 (đktc) và còn lại 5,04 gam chất rắn không tan.

- Phần 2: Có khối lượng 29,79 gam cho tác dụng với dung dịch HNO_3 loãng dư thu được 8,064 lít NO (đktc, NO là sản phẩm khử duy nhất).

Giá trị của m và công thức của oxit sắt lần lượt là

A. 39,72 gam và FeO .

B. 39,72 gam và Fe_3O_4 .

C. 39,91 gam và FeO .

D. 36,48 gam và Fe_3O_4 .

Câu 34: Đun nóng 25,5 gam hỗn hợp X gồm bột Al và Fe_3O_4 cho đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được hỗn hợp rắn Y. Đem hết hỗn hợp rắn Y cho vào dung dịch NaOH dư thu được 3,36 lít khí H_2 (đktc). Thành phần % về khối lượng của Fe_3O_4 có trong hỗn hợp X là

A. 36,75%.

B. 68,24%.

C. 63,25%.

D. 31,76%.

Câu 35: Điện phân dung dịch muối MCl_n với điện cực trơ. Ở catot thu được 16 gam kim loại M, ở anot thu được 5,6 lít khí (đktc). Kim loại M là

A. Fe.

B. Zn.

C. Cu.

D. Al.

Câu 36: Cho 2,7 gam Al tác dụng với dung dịch NaOH dư. Sau khi phản ứng kết thúc, thể tích khí H_2 (ở đktc) thoát ra là:

A. 3,36 lít.

B. 4,48 lít.

C. 2,24 lít.

D. 6,72 lít.

Câu 37: Lưu huỳnh trong chất nào sau đây chỉ thể hiện tính khử

A. H_2S .

B. SO_3 .

C. H_2SO_4 .

D. SO_2 .

Câu 38: Khối lượng của tinh bột cần dùng để điều chế 5 lít ancol etylic 46° (hiệu suất của cả quá trình: 72%; khối lượng riêng của ancol etylic nguyên chất: 0,8 g/ml) là

A. 5,0 kg.

B. 5,4 kg.

C. 6,0 kg.

D. 4,5 kg.

Câu 39: Nếu đốt cháy hết m gam PE cần 3360 lít O_2 (đktc). Giá trị m và hệ số trùng hợp của PE lần lượt là:

A. 2800 gam; 100.

B. 2800 gam; 50.

C. 1400 gam; 100.

D. 1400 gam; 50.

Câu 40: Cho 75,2 gam hỗn hợp Fe và Cu vào 4 lít dung dịch HNO_3 a mol/l sau phản ứng thu được dung dịch X và 22,4 lít khí NO (đktc). Thêm dung dịch H_2SO_4 loãng dư vào dung dịch X lại thu được 4,48 lít NO (đktc). Biết NO là sản phẩm khử duy nhất trong 2 quá trình. Giá trị a là

A. 1,2.

B. 1,1.

C. 1,5.

D. 1,0.

Câu 41: Người ta tiến hành trộn các khí sau đây với nhau: H_2 và F_2 (1); Cl_2 và O_2 (2); H_2S và N_2 (3); CO và O_2 (4); NH_3 và Cl_2 (5); H_2S và SO_2 (6); HI và O_3 (7). Những hỗn hợp khí **không** tồn tại ở nhiệt độ thường là

A. (1); (2); (6); (7).

B. (1); (5); (6); (7).

C. (1); (3); (4); (5).

D. (1); (3); (6); (7).

Câu 42: Amino axit X có công thức $\text{H}_2\text{NC}_x\text{H}_y(\text{COOH})_2$. Cho 0,1 mol X vào 0,2 lít dung dịch H_2SO_4 0,5M thu được dung dịch Y. Cho Y phản ứng vừa đủ với dung dịch NaOH 1M và KOH 3M thu được dung dịch chứa 36,7 gam muối. Phần trăm khối lượng nitơ trong X là

A. 11,966%.

B. 10,526%.

C. 10,687%.

D. 9,524%.

Câu 43: Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm FeS_2 và Cu_2S trong dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng, dư thu được 4,48 lít SO_2 (đktc). Nếu hòa tan m gam hỗn hợp X trên trong dung dịch HNO_3 đặc, nóng dư thì thu được dung dịch Y. Lấy $\frac{1}{2}$ dung dịch Y cho tác dụng với dung dịch BaCl_2 dư thu được 5,825 gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 5,2. B. 4,4. C. 2,8. D. 4,0.

Câu 44: Thủy phân m gam tinh bột, sản phẩm thu được đem lên men để sản xuất ancol etylic, toàn bộ khí CO_2 sinh ra cho qua dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ dư thu được 850 gam kết tủa. Biết hiệu suất mỗi giai đoạn là 85%. Giá trị của m là

- A. 810,0. B. 476,5. C. 688,5. D. 952,9.

Câu 45: Hòa tan 54,44 gam hỗn hợp X gồm PCl_3 và PBr_3 vào nước được dung dịch Y. Để trung hòa hoàn toàn dung dịch Y cần 500 ml dung dịch KOH 2,6M. Thành phần % khối lượng của PCl_3 trong X là

- A. 26,96%. B. 12,25%. C. 8,08%. D. 30,31%.

Câu 46: Hòa tan hoàn toàn 20,5 gam hỗn hợp gồm ba kim loại Fe, Al, Cu bằng dung dịch HNO_3 loãng, dư thu được 8,96 lít khí NO (đktc, NO là sản phẩm khử duy nhất) và dung dịch X. Cô cạn dung dịch X thì lượng muối khan thu được là

- A. 90,5 gam. B. 58,8 gam. C. 94,9 gam. D. 45,3 gam.

Câu 47: Số đồng phân amin bậc hai ứng với công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_{11}\text{N}$ là

- A. 2. B. 4. C. 3. D. 5.

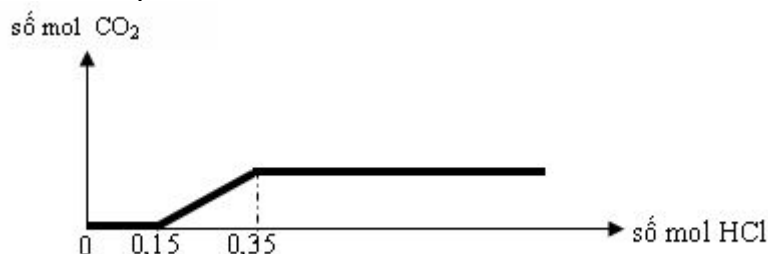
Câu 48: Một loại quặng sắt, sau khi loại bỏ tạp chất, hòa tan hết vào HNO_3 có khí màu nâu bay ra. Dung dịch thu được tác dụng với BaCl_2 thấy tạo ra kết tủa không tan trong axit mạnh. Quặng sắt đó là

- A. Manhetit. B. Pirit. C. Xiđerit. D. Hematit.

Câu 49: Cho các chất but-1-en; but-2-en; but-1-in; buta-1,3-đien; vinyl axetilen; isopren; propen. Có bao nhiêu chất tác dụng với H_2 dư (xúc tác Ni, đun nóng) tạo ra butan?

- A. 4. B. 6. C. 3. D. 5.

Câu 50: Cho từ từ dung dịch HCl vào dung dịch có chứa a mol NaHCO_3 và b mol Na_2CO_3 . Số mol khí CO_2 thu được phụ thuộc vào số mol HCl được biểu diễn trên đồ thị sau:



Tỉ lệ của $a:b$ là:

- A. 1:3 B. 3:4 C. 7:3 D. 4:3

----- HẾT -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BÌNH THUẬN

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

KỲ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2016

Môn thi: Hóa học
Thời gian làm bài: 90 phút
(50 câu trắc nghiệm)

Mã đề thi
357

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Họ, tên thí sinh:..... Số báo danh:

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H=1, C=12, N=14, O=16, Na=23, Mg=24, Al=27, P=31, S=32, Cl=35.5, K=39, Ca=40, Fe=56, Cu=64, Zn=65, Br=80, Ag=108, Ba=137.

Câu 1: Cho dãy các chất: $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2$, NH_4Cl , $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$, ZnSO_4 , $\text{Al}(\text{OH})_3$, $\text{Cr}(\text{OH})_3$. Số chất có tính chất lưỡng tính là

- A. 3. B. 5. C. 2. D. 4.

Câu 2: Cho HCHO phản ứng với H_2 (xúc tác Ni, đun nóng) thu được

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. B. CH_3COOH . C. CH_3OH . D. HCOOH .

Câu 3: Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp gồm 3 amin thu được 3,36 lít CO_2 (đktc); 5,4 gam H_2O và 1,12 lít N_2 (đktc). Giá trị của m là

- A. 3,6. B. 3,5. C. 3,1. D. 3,8.

Câu 4: Khi cho dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ vào dung dịch $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2$ thấy có

- A. kết tủa trắng sau đó kết tủa tan dần. B. bọt khí bay ra.
C. kết tủa trắng xuất hiện. D. bọt khí và kết tủa trắng.

Câu 5: Cấu hình electron của ion R^{3+} là: $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^5$. Trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. Nguyên tố R thuộc

- A. chu kì 4, nhóm VIIB. B. chu kì 4, nhóm IIIB.
C. chu kì 4, nhóm VIIIA. D. chu kì 3, nhóm VIIIA.

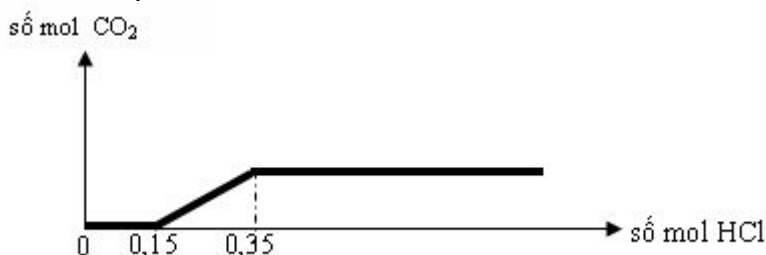
Câu 6: Chất phản ứng với H_2 tạo thành sobitol là

- A. xenlulozơ. B. saccarozơ. C. tinh bột. D. glucozơ.

Câu 7: Cho các đồng phân đơn chức, mạch hở của hợp chất có công thức phân tử $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ lần lượt tác dụng với Na, NaOH và CaCO_3 . Số phản ứng xảy ra là

- A. 4. B. 2. C. 5. D. 3.

Câu 8: Cho từ từ dung dịch HCl vào dung dịch có chứa a mol NaHCO_3 và b mol Na_2CO_3 . Số mol khí CO_2 thu được phụ thuộc vào số mol HCl được biểu diễn trên đồ thị sau:



Tỉ lệ của a:b là:

- A. 1:3 B. 3:4 C. 7:3 D. 4:3

Câu 9: Hỗn hợp X gồm Al, Fe_xO_y . Tiến hành phản ứng nhiệt nhôm hoàn toàn m gam hỗn hợp X trong điều kiện không có không khí thu được hỗn hợp Y. Chia Y thành 2 phần:

- Phần 1: Cho tác dụng với NaOH dư thu được 1,008 lít H_2 (đktc) và còn lại 5,04 gam chất rắn không tan.

- Phần 2: Có khối lượng 29,79 gam cho tác dụng với dung dịch HNO_3 loãng dư thu được 8,064 lít NO (đktc, NO là sản phẩm khử duy nhất).

Giá trị của m và công thức của oxit sắt lần lượt là

- A. 39,72 gam và Fe_3O_4 . B. 39,91 gam và FeO.

C. 39,72 gam và FeO.

D. 36,48 gam và Fe₃O₄.

Câu 10: Hòa tan m gam hỗn hợp gồm Na và Al vào nước dư được dung dịch X và 13,44 lít khí (đktc), còn lại 0,5 gam chất rắn không tan. Giá trị của m là

A. 15,5 gam.

B. 14,3 gam.

C. 15,0 gam.

D. 17,0 gam.

Câu 11: Hợp chất X đốt trên đèn cồn cho ngọn lửa màu vàng tươi, hợp chất X có thể tác dụng với dung dịch HCl loãng có khí bay ra. Vậy X là

A. Na₂SO₃.

B. Na₂SO₄.

C. K₂CO₃.

D. Li₂CO₃.

Câu 12: Người ta tiến hành trộn các khí sau đây với nhau: H₂ và F₂ (1); Cl₂ và O₂ (2); H₂S và N₂ (3); CO và O₂ (4); NH₃ và Cl₂ (5); H₂S và SO₂ (6); HI và O₃ (7). Những hỗn hợp khí **không** tồn tại ở nhiệt độ thường là

A. (1); (2); (6); (7).

B. (1); (5); (6); (7).

C. (1); (3); (4); (5).

D. (1); (3); (6); (7).

Câu 13: Đốt cháy hoàn toàn 7,4 gam một este X thu được 6,72 lít khí CO₂ (đktc) và 5,4 gam H₂O. Biết rằng X có thể cho phản ứng tráng gương. Công thức cấu tạo của X là

A. HCOOCH₃.

B. HCOOC₃H₇.

C. C₂H₅COOH.

D. HCOOC₂H₅.

Câu 14: Có các khí lẫn hơi nước sau: CO₂, H₂S, NH₃, SO₃, Cl₂. Số chất khí có thể được làm khô bằng dung dịch H₂SO₄ 98% là

A. 2.

B. 5.

C. 4.

D. 3.

Câu 15: Đun nóng 25,5 gam hỗn hợp X gồm bột Al và Fe₃O₄ cho đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được hỗn hợp rắn Y. Đem hết hỗn hợp rắn Y cho vào dung dịch NaOH dư thu được 3,36 lít khí H₂ (đktc). Thành phần % về khối lượng của Fe₃O₄ có trong hỗn hợp X là

A. 68,24%.

B. 36,75%.

C. 63,25%.

D. 31,76%.

Câu 16: Hòa tan hoàn toàn 20,5 gam hỗn hợp gồm ba kim loại Fe, Al, Cu bằng dung dịch HNO₃ loãng, dư thu được 8,96 lít khí NO (đktc, NO là sản phẩm khử duy nhất) và dung dịch X. Cô cạn dung dịch X thì lượng muối khan thu được là

A. 90,5 gam.

B. 58,8 gam.

C. 94,9 gam.

D. 45,3 gam.

Câu 17: Để chứng minh hợp chất H₂N-CH₂-COOH lưỡng tính, ta có thể dùng phản ứng của chất này lần lượt với các dung dịch

A. HCl; Br₂.

B. NaOH; HCl

C. NaCl; HCl.

D.

NaOH; NaCl.

Câu 18: Hòa tan 54,44 gam hỗn hợp X gồm PCl₃ và PBr₃ vào nước được dung dịch Y. Để trung hòa hoàn toàn dung dịch Y cần 500 ml dung dịch KOH 2,6M. Thành phần % khối lượng của PCl₃ trong X là

A. 26,96%.

B. 12,25%.

C. 8,08%.

D. 30,31%.

Câu 19: Trong số các kim loại: Al, Ag, Cu, Fe. Kim loại dẫn điện tốt nhất là

A. Al.

B. Cu.

C. Fe.

D. Ag.

Câu 20: Hòa tan hết 4,6 gam Na vào 50 gam H₂O. Nồng độ phần trăm của dung dịch thu được là:

A. 9,20%.

B. 14,65%.

C. 14,70%.

D. 8,46%.

Câu 21: Cho 0,1 mol P₂O₅ vào dung dịch chứa 0,35 mol KOH. Dung dịch thu được có các chất

A. K₃PO₄ và KOH.

B. K₂HPO₄ và KH₂PO₄.

C. H₃PO₄ và KH₂PO₄.

D. K₃PO₄ và K₂HPO₄.

Câu 22: Lưu huỳnh trong chất nào sau đây chỉ thể hiện tính khử

A. SO₂.

B. H₂S.

C. H₂SO₄.

D. SO₃.

Câu 23: Cho 12,4 gam chất X có công thức phân tử C₃H₁₂N₂O₃ đun nóng với 2 lít dung dịch NaOH 0,15M. Sau phản ứng hoàn toàn thu được chất khí Y làm xanh giấy quì tím ẩm và dung dịch Z. Cô cạn Z rồi nung đến khối lượng không đổi thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là

A. 24,4 gam.

B. 16,2 gam.

C. 17,4 gam.

D. 14,6 gam.

Câu 24: Cho m gam hỗn hợp X gồm CuO, Na₂O, Al₂O₃ hoà tan hết vào nước thu được 400 ml dung dịch Y chỉ chứa một chất tan duy nhất có nồng độ 0,5M và một chất rắn G. Lọc tách G, cho luồng khí H₂ dư đi qua G nung nóng thu được chất rắn F. Hòa tan hết F trong dung dịch HNO₃ thu được 0,448 lít (đktc) hỗn hợp khí gồm NO₂ và NO có tỉ khối so với Oxi bằng 1,0625. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị m là

A. 26,0.

B. 18,4.

C. 18,0.

D. 34,8.

Câu 25: Cho hỗn hợp X gồm CH_4 , C_2H_4 và C_2H_2 . Lấy 8,6 gam X tác dụng hết với dung dịch brom, dư thì khối lượng brom phản ứng là 48 gam. Mặt khác, nếu cho 13,44 lít (đktc) hỗn hợp khí X tác dụng với một lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , thu được 36 gam kết tủa. Phần trăm thể tích của C_2H_2 trong hỗn hợp X là

A. 75%.

B. 50%.

C. 35%.

D. 25%.

Câu 26: Thuốc thử để phân biệt Ala-Ala với Ala-Ala-Ala là

A. dung dịch HCl.

B. $\text{Cu}(\text{OH})_2$ trong môi trường kiềm.

C. dung dịch H_2SO_4 loãng.

D. dung dịch NaOH.

Câu 27: Đốt cháy hoàn toàn 3,6 gam este X đơn chức mạch hở. Dẫn toàn bộ sản phẩm cháy vào bình đựng dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ dư. Sau thí nghiệm thu được 15 gam kết tủa và khối lượng dung dịch giảm 6,6 gam. Tên của X là

A. Metyl axetat.

B. Etyl axetat.

C. Metyl fomat.

D. Vinyl fomat.

Câu 28: Cho các hợp chất hữu cơ: C_2H_6 ; C_2H_4 ; C_2H_2 ; CH_2O ; CH_2O_2 (mạch hở); $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ (mạch hở, đơn chức). Biết $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ không làm chuyển màu quỳ tím ẩm. Có bao nhiêu chất tác dụng được với dung dịch AgNO_3 trong NH_3 tạo ra kết tủa.

A. 4.

B. 3

C. 5.

D. 2

Câu 29: Khối lượng của tinh bột cần dùng để điều chế 5 lít ancol etylic 46° (hiệu suất của cả quá trình: 72%; khối lượng riêng của ancol etylic nguyên chất: 0,8 g/ml) là

A. 5,0 kg.

B. 5,4 kg.

C. 6,0 kg.

D. 4,5 kg.

Câu 30: Thí nghiệm nào sau đây thu được kết tủa sau phản ứng

A. Cho dung dịch NH_3 đến dư vào dung dịch AlCl_3 .

B. Thổi CO_2 đến dư vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$.

C. Cho dung dịch HCl đến dư vào dung dịch NaAlO_2 .

D. Cho dung dịch NaOH đến dư vào dung dịch $\text{Cr}(\text{OH})_3$.

Câu 31: Có bao nhiêu đồng phân của hợp chất có công thức phân tử $\text{C}_5\text{H}_{12}\text{O}$, tác dụng với CuO dư, đun nóng sinh ra andehit.

A. 6.

B. 5.

C. 3.

D. 4.

Câu 32: Thủy phân m gam tinh bột, sản phẩm thu được đem lên men để sản xuất ancol etylic, toàn bộ khí CO_2 sinh ra cho qua dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ dư thu được 850 gam kết tủa. Biết hiệu suất mỗi giai đoạn là 85%. Giá trị của m là

A. 810,0.

B. 476,5.

C. 688,5.

D. 952,9.

Câu 33: Một loại quặng sắt, sau khi loại bỏ tạp chất, hòa tan hết vào HNO_3 có khí màu nâu bay ra. Dung dịch thu được tác dụng với BaCl_2 thấy tạo ra kết tủa không tan trong axit mạnh. Quặng sắt đó là

A. Manhetit.

B. Pirit.

C. Xiđerit.

D. Hematit.

Câu 34: Điện phân dung dịch muối MCl_n với điện cực trơ. Ở catot thu được 16 gam kim loại M, ở anot thu được 5,6 lít khí (đktc). Kim loại M là

A. Fe.

B. Zn.

C. Cu.

D. Al.

Câu 35: Cho 2,7 gam Al tác dụng với dung dịch NaOH dư. Sau khi phản ứng kết thúc, thể tích khí H_2 (ở đktc) thoát ra là:

A. 3,36 lít.

B. 4,48 lít.

C. 2,24 lít.

D. 6,72 lít.

Câu 36: Nhỏ từ từ dung dịch H_2SO_4 loãng vào dung dịch Na_2CrO_4 thì dung dịch chuyển từ

A. không màu sang màu vàng.

B. màu da cam sang màu vàng.

C. không màu sang màu da cam.

D. màu vàng sang màu da cam.

Câu 37: Chất được dùng để tẩy trắng giấy và bột giấy trong công nghiệp là

A. CO_2 .

B. NO_2 .

C. SO_2 .

D. N_2O .

Câu 38: Nếu đốt cháy hết m gam PE cần 3360 lít O_2 (đktc). Giá trị m và hệ số trùng hợp của PE lần lượt là:

A. 2800 gam; 100.

B. 2800 gam; 50.

C. 1400 gam; 100.

D. 1400 gam; 50.

Câu 39: Trong các loại tơ sau: tằm, visco, axetat, capron, nilon-6,6. Tơ nào thuộc loại tổng hợp?

- A. visco, axetat. B. visco, nilon-6,6. C. capron, nilon-6,6. D. tằm, axetat.

Câu 40: Cho viên kẽm nguyên chất vào dung dịch chứa các ion: Ag^+ , Fe^{2+} , Cu^{2+} , Pb^{2+} (ở điều kiện thường, Zn dùng dư) thứ tự các ion kim loại lần lượt bị khử là:

- A. Cu^{2+} , Pb^{2+} , Ag^+ , Fe^{2+} . B. Ag^+ , Cu^{2+} , Fe^{2+} , Pb^{2+} .
C. Ag^+ , Cu^{2+} , Pb^{2+} , Fe^{2+} . D. Fe^{2+} , Cu^{2+} , Pb^{2+} , Ag^+ .

Câu 41: Amino axit X có công thức $\text{H}_2\text{NC}_x\text{H}_y(\text{COOH})_2$. Cho 0,1 mol X vào 0,2 lít dung dịch H_2SO_4 0,5M thu được dung dịch Y. Cho Y phản ứng vừa đủ với dung dịch NaOH 1M và KOH 3M thu được dung dịch chứa 36,7 gam muối. Phần trăm khối lượng nitơ trong X là

- A. 11,966%. B. 10,526%. C. 10,687%. D. 9,524%.

Câu 42: Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm FeS_2 và Cu_2S trong dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng, dư thu được 4,48 lít SO_2 (đktc). Nếu hòa tan m gam hỗn hợp X trên trong dung dịch HNO_3 đặc, nóng dư thì thu được dung dịch Y. Lấy $\frac{1}{2}$ dung dịch Y cho tác dụng với dung dịch BaCl_2 dư thu được 5,825 gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 5,2. B. 4,4. C. 4,0. D. 2,8.

Câu 43: Số electron lớp ngoài cùng của các kim loại thuộc nhóm IIA là

- A. 2. B. 4. C. 3. D. 1

Câu 44: Cho các chất but-1-en; but-2-en; but-1-in; buta-1,3-đien; vinyl axetilen; isopren; propen. Có bao nhiêu chất tác dụng với H_2 dư (xúc tác Ni, đun nóng) tạo ra butan?

- A. 6. B. 4. C. 5. D. 3.

Câu 45: Cho 6,4 gam hỗn hợp gồm CuO và Fe_2O_3 tác dụng hết với dung dịch HCl 0,1M thu được hai muối có tỉ lệ mol 1:1. Thể tích dung dịch HCl đã tham gia phản ứng là:

- A. 1,0 lít. B. 0,5 lít. C. 1,5 lít. D. 2,0 lít.

Câu 46: Số đồng phân amin bậc hai ứng với công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_{11}\text{N}$ là

- A. 2. B. 4. C. 3. D. 5.

Câu 47: Số đồng phân este của hợp chất có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ là

- A. 5. B. 4. C. 2. D. 3.

Câu 48: Đốt cháy hoàn toàn một ancol X thì số mol CO_2 thu được bằng 75% số mol H_2O tạo thành; tổng số mol CO_2 và H_2O bằng $\frac{14}{9}$ lần tổng số mol của X và O_2 đã phản ứng. Cho 6,9 gam X tác dụng với Na dư thì thu được V lít H_2 (đktc). Giá trị của V là

- A. 2,52. B. 1,12. C. 1,28. D. 1,68.

Câu 49: Monome nào sau đây **không** có khả năng tham gia phản ứng trùng hợp:

- A. Propen. B. Etylen glicol. C. Etilen. D. Stiren.

Câu 50: Cho 75,2 gam hỗn hợp Fe và Cu vào 4 lít dung dịch HNO_3 a mol/l sau phản ứng thu được dung dịch X và 22,4 lít khí NO (đktc). Thêm dung dịch H_2SO_4 loãng dư vào dung dịch X lại thu được 4,48 lít NO (đktc). Biết NO là sản phẩm khử duy nhất trong 2 quá trình. Giá trị a là

- A. 1,5. B. 1,1. C. 1,0. D. 1,2.

----- HẾT -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BÌNH THUẬN

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

KỲ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2016

Môn thi: Hóa học
Thời gian làm bài: 90 phút
(50 câu trắc nghiệm)

Mã đề thi
485

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Họ, tên thí sinh:..... Số báo danh:

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H=1, C=12, N=14, O=16, Na=23, Mg=24, Al=27, P=31, S=32, Cl=35.5, K=39, Ca=40, Fe=56, Cu=64, Zn=65, Br=80, Ag=108, Ba=137.

Câu 1: Chất được dùng để tẩy trắng giấy và bột giấy trong công nghiệp là

- A. NO_2 . B. CO_2 . C. N_2O . D. SO_2 .

Câu 2: Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp gồm 3 amin thu được 3,36 lít CO_2 (đktc); 5,4 gam H_2O và 1,12 lít N_2 (đktc). Giá trị của m là

- A. 3,8. B. 3,5. C. 3,1. D. 3,6.

Câu 3: Chất phản ứng với H_2 tạo thành sobitol là

- A. xenlulozơ. B. glucozơ. C. tinh bột. D. saccarozơ.

Câu 4: Số đồng phân este của hợp chất có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ là

- A. 5. B. 4. C. 2. D. 3.

Câu 5: Có bao nhiêu đồng phân của hợp chất có công thức phân tử $\text{C}_5\text{H}_{12}\text{O}$, tác dụng với CuO dư, đun nóng sinh ra andehit.

- A. 6. B. 5. C. 3. D. 4.

Câu 6: Hỗn hợp X gồm Al, Fe_xO_y . Tiến hành phản ứng nhiệt nhôm hoàn toàn m gam hỗn hợp X trong điều kiện không có không khí thu được hỗn hợp Y. Chia Y thành 2 phần:

- Phần 1: Cho tác dụng với NaOH dư thu được 1,008 lít H_2 (đktc) và còn lại 5,04 gam chất rắn không tan.

- Phần 2: Có khối lượng 29,79 gam cho tác dụng với dung dịch HNO_3 loãng dư thu được 8,064 lít NO (đktc, NO là sản phẩm khử duy nhất).

Giá trị của m và công thức của oxit sắt lần lượt là

- A. 39,91 gam và FeO . B. 39,72 gam và FeO .
C. 39,72 gam và Fe_3O_4 . D. 36,48 gam và Fe_3O_4 .

Câu 7: Cho HCHO phản ứng với H_2 (xúc tác Ni, đun nóng) thu được

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. B. CH_3OH . C. HCOOH . D. CH_3COOH .

Câu 8: Cho viên kẽm nguyên chất vào dung dịch chứa các ion: Ag^+ , Fe^{2+} , Cu^{2+} , Pb^{2+} (ở điều kiện thường, Zn dùng dư) thứ tự các ion kim loại lần lượt bị khử là:

- A. Cu^{2+} , Pb^{2+} , Ag^+ , Fe^{2+} . B. Fe^{2+} , Cu^{2+} , Pb^{2+} , Ag^+ .
C. Ag^+ , Cu^{2+} , Fe^{2+} , Pb^{2+} . D. Ag^+ , Cu^{2+} , Pb^{2+} , Fe^{2+} .

Câu 9: Cấu hình electron của ion R^{3+} là: $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^5$. Trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. Nguyên tố R thuộc

- A. chu kì 4, nhóm VIIB. B. chu kì 3, nhóm VIIIA.
C. chu kì 4, nhóm VIIIB. D. chu kì 4, nhóm VIIIA.

Câu 10: Hợp chất X đốt trên đèn cồn cho ngọn lửa màu vàng tươi, hợp chất X có thể tác dụng với dung dịch HCl loãng có khí bay ra. Vậy X là

- A. Na_2SO_3 . B. Na_2SO_4 . C. K_2CO_3 . D. Li_2CO_3 .

Câu 11: Cho m gam hỗn hợp X gồm CuO , Na_2O , Al_2O_3 hoà tan hết vào nước thu được 400 ml dung dịch Y chỉ chứa một chất tan duy nhất có nồng độ 0,5M và một chất rắn G. Lọc tách G, cho luồng khí H_2 dư đi qua G nung nóng thu được chất rắn F. Hòa tan hết F trong dung dịch HNO_3 thu được 0,448 lít (đktc) hỗn hợp khí gồm NO_2 và NO có tỉ khối so với Oxi bằng 1,0625. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị m là

- A. 34,8. B. 18,4. C. 18,0. D. 26,0.

Câu 12: Cho dãy các chất: $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2$, NH_4Cl , $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$, ZnSO_4 , $\text{Al}(\text{OH})_3$, $\text{Cr}(\text{OH})_3$. Số chất có tính chất lưỡng tính là

- A. 5. B. 3. C. 2. D. 4.

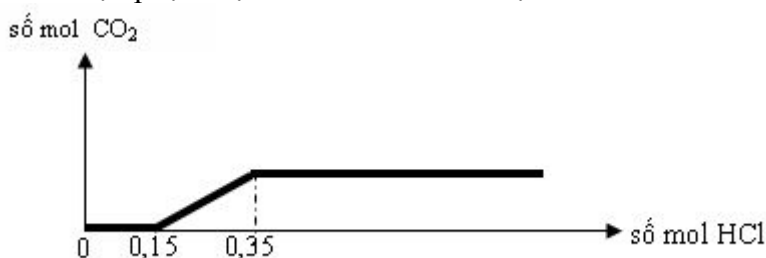
Câu 13: Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm FeS_2 và Cu_2S trong dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng, dư thu được 4,48 lít SO_2 (đktc). Nếu hòa tan m gam hỗn hợp X trên trong dung dịch HNO_3 đặc, nóng dư thì thu được dung dịch Y. Lấy $\frac{1}{2}$ dung dịch Y cho tác dụng với dung dịch BaCl_2 dư thu được 5,825 gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 5,2. B. 4,4. C. 4,0. D. 2,8.

Câu 14: Đun nóng 25,5 gam hỗn hợp X gồm bột Al và Fe_3O_4 cho đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được hỗn hợp rắn Y. Đem hết hỗn hợp rắn Y cho vào dung dịch NaOH dư thu được 3,36 lít khí H_2 (đktc). Thành phần % về khối lượng của Fe_3O_4 có trong hỗn hợp X là

- A. 68,24%. B. 36,75%. C. 63,25%. D. 31,76%.

Câu 15: Cho từ từ dung dịch HCl vào dung dịch có chứa a mol NaHCO_3 và b mol Na_2CO_3 . Số mol khí CO_2 thu được phụ thuộc vào số mol HCl được biểu diễn trên đồ thị sau:



Tỉ lệ của $a:b$ là:

- A. 1:3 B. 4:3 C. 7:3 D. 3:4

Câu 16: Thí nghiệm nào sau đây thu được kết tủa sau phản ứng

- A. Cho dung dịch NH_3 đến dư vào dung dịch AlCl_3 .
B. Cho dung dịch HCl đến dư vào dung dịch NaAlO_2 .
C. Cho dung dịch NaOH đến dư vào dung dịch $\text{Cr}(\text{OH})_3$.
D. Thổi CO_2 đến dư vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$.

Câu 17: Cho 12,4 gam chất X có công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_{12}\text{N}_2\text{O}_3$ đun nóng với 2 lít dung dịch NaOH 0,15M. Sau phản ứng hoàn toàn thu được chất khí Y làm xanh giấy quì tím ẩm và dung dịch Z. Cô cạn Z rồi nung đến khối lượng không đổi thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là

- A. 16,2 gam. B. 17,4 gam. C. 24,4 gam. D. 14,6 gam.

Câu 18: Trong số các kim loại: Al, Ag, Cu, Fe. Kim loại dẫn điện tốt nhất là

- A. Al. B. Cu. C. Fe. D. Ag.

Câu 19: Để chứng minh hợp chất $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOH}$ lưỡng tính, ta có thể dùng phản ứng của chất này lần lượt với các dung dịch

- A. NaCl; HCl. B. NaOH; NaCl. C. NaOH; HCl. D. HCl; Br_2 .

Câu 20: Lưu huỳnh trong chất nào sau đây chỉ thể hiện tính khử

- A. H_2S . B. SO_3 . C. H_2SO_4 . D. SO_2 .

Câu 21: Điện phân dung dịch muối MCl_n với điện cực trơ. Ở catot thu được 16 gam kim loại M, ở anot thu được 5,6 lít khí (đktc). Kim loại M là

- A. Zn. B. Al. C. Fe. D. Cu.

Câu 22: Cho 0,1 mol P_2O_5 vào dung dịch chứa 0,35 mol KOH. Dung dịch thu được có các chất

- A. H_3PO_4 và KH_2PO_4 . B. K_3PO_4 và K_2HPO_4 .
C. K_3PO_4 và KOH. D. K_2HPO_4 và KH_2PO_4 .

Câu 23: Cho các hợp chất hữu cơ: C_2H_6 ; C_2H_4 ; C_2H_2 ; CH_2O ; CH_2O_2 (mạch hở); $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ (mạch hở, đơn chức). Biết $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ không làm chuyển màu quì tím ẩm. Có bao nhiêu chất tác dụng được với dung dịch AgNO_3 trong NH_3 tạo ra kết tủa.

- A. 4. B. 3. C. 5. D. 2

Câu 24: Cho hỗn hợp X gồm CH_4 , C_2H_4 và C_2H_2 . Lấy 8,6 gam X tác dụng hết với dung dịch brom, dư thì khối lượng brom phản ứng là 48 gam. Mặt khác, nếu cho 13,44 lít (đktc) hỗn hợp khí X tác dụng với một lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , thu được 36 gam kết tủa. Phần trăm thể tích của C_2H_2 trong hỗn hợp X là

- A. 75%. B. 50%. C. 35%. D. 25%.

Câu 25: Khối lượng của tinh bột cần dùng để điều chế 5 lít ancol etylic 46° (hiệu suất của cả quá trình: 72%; khối lượng riêng của ancol etylic nguyên chất: 0,8 g/ml) là

- A. 5,0 kg. B. 5,4 kg. C. 6,0 kg. D. 4,5 kg.

Câu 26: Người ta tiến hành trộn các khí sau đây với nhau: H_2 và F_2 (1); Cl_2 và O_2 (2); H_2S và N_2 (3); CO và O_2 (4); NH_3 và Cl_2 (5); H_2S và SO_2 (6); HI và O_3 (7). Những hỗn hợp khí **không** tồn tại ở nhiệt độ thường là

- A. (1); (5); (6); (7). B. (1); (2); (6); (7). C. (1); (3); (4); (5). D. (1); (3); (6); (7).

Câu 27: Monome nào sau đây **không** có khả năng tham gia phản ứng trùng hợp:

- A. Propen. B. Etylen glicol. C. Etilen. D. Stiren.

Câu 28: Hòa tan m gam hỗn hợp gồm Na và Al vào nước dư được dung dịch X và 13,44 lít khí (đktc), còn lại 0,5 gam chất rắn không tan. Giá trị của m là

- A. 17,0 gam. B. 15,0 gam. C. 14,3 gam. D. 15,5 gam.

Câu 29: Đốt cháy hoàn toàn 7,4 gam một este X thu được 6,72 lít khí CO_2 (đktc) và 5,4 gam H_2O . Biết rằng X có thể cho phản ứng tráng gương. Công thức cấu tạo của X là

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$. B. HCOOCH_3 . C. HCOOC_2H_5 . D. HCOOC_3H_7 .

Câu 30: Hòa tan hết 4,6 gam Na vào 50 gam H_2O . Nồng độ phần trăm của dung dịch thu được là:

- A. 8,46%. B. 9,20%. C. 14,70%. D. 14,65%.

Câu 31: Thủy phân m gam tinh bột, sản phẩm thu được đem lên men để sản xuất ancol etylic, toàn bộ khí CO_2 sinh ra cho qua dung dịch Ca(OH)_2 dư thu được 850 gam kết tủa. Biết hiệu suất mỗi giai đoạn là 85%. Giá trị của m là

- A. 810,0. B. 476,5. C. 688,5. D. 952,9.

Câu 32: Một loại quặng sắt, sau khi loại bỏ tạp chất, hòa tan hết vào HNO_3 có khí màu nâu bay ra. Dung dịch thu được tác dụng với BaCl_2 thấy tạo ra kết tủa không tan trong axit mạnh. Quặng sắt đó là

- A. Manhetit. B. Pirit. C. Xiderit. D. Hematit.

Câu 33: Nhỏ từ từ dung dịch H_2SO_4 loãng vào dung dịch Na_2CrO_4 thì dung dịch chuyển từ

- A. màu da cam sang màu vàng. B. không màu sang màu vàng.
C. màu vàng sang màu da cam. D. không màu sang màu da cam.

Câu 34: Cho các đồng phân đơn chức, mạch hở của hợp chất có công thức phân tử $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ lần lượt tác dụng với Na, NaOH và CaCO_3 . Số phản ứng xảy ra là

- A. 5. B. 2. C. 4. D. 3.

Câu 35: Trong các loại tơ sau: tầm, visco, axetat, capron, nilon-6,6. Tơ nào thuộc loại tổng hợp?

- A. visco, axetat. B. capron, nilon-6,6. C. visco, nilon-6,6. D. tầm, axetat.

Câu 36: Thuốc thử để phân biệt Ala-Ala với Ala-Ala-Ala là

- A. dung dịch H_2SO_4 loãng. B. Cu(OH)_2 trong môi trường kiềm.
C. dung dịch HCl. D. dung dịch NaOH.

Câu 37: Nếu đốt cháy hết m gam PE cần 3360 lít O_2 (đktc). Giá trị m và hệ số trùng hợp của PE lần lượt là:

- A. 2800 gam; 100. B. 2800 gam; 50. C. 1400 gam; 100. D. 1400 gam; 50.

Câu 38: Đốt cháy hoàn toàn 3,6 gam este X đơn chức mạch hở. Dẫn toàn bộ sản phẩm cháy vào bình đựng dung dịch Ca(OH)_2 dư. Sau thí nghiệm thu được 15 gam kết tủa và khối lượng dung dịch giảm 6,6 gam. Tên của X là

- A. Metyl fomat. B. Metyl axetat. C. Etyl axetat. D. Vinyl fomat.

Câu 39: Có các khí lẫn hơi nước sau: CO_2 , H_2S , NH_3 , SO_3 , Cl_2 . Số chất khí có thể được làm khô bằng dung dịch H_2SO_4 98% là

- A. 2. B. 5. C. 4. D. 3.

Câu 40: Amino axit X có công thức $H_2NC_xH_y(COOH)_2$. Cho 0,1 mol X vào 0,2 lít dung dịch H_2SO_4 0,5M thu được dung dịch Y. Cho Y phản ứng vừa đủ với dung dịch NaOH 1M và KOH 3M thu được dung dịch chứa 36,7 gam muối. Phần trăm khối lượng nitơ trong X là

- A. 11,966%. B. 10,526%. C. 10,687%. D. 9,524%.

Câu 41: Cho 6,4 gam hỗn hợp gồm CuO và Fe_2O_3 tác dụng hết với dung dịch HCl 0,1M thu được hai muối có tỉ lệ mol 1:1. Thể tích dung dịch HCl đã tham gia phản ứng là:

- A. 2,0 lít. B. 1,0 lít. C. 0,5 lít. D. 1,5 lít.

Câu 42: Số electron lớp ngoài cùng của các kim loại thuộc nhóm IIA là

- A. 2. B. 4. C. 3. D. 1

Câu 43: Cho các chất but-1-en; but-2-en; but-1-in; buta-1,3-đien; vinyl axetilen; isopren; propen. Có bao nhiêu chất tác dụng với H_2 dư (xúc tác Ni, đun nóng) tạo ra butan?

- A. 6. B. 4. C. 5. D. 3.

Câu 44: Đốt cháy hoàn toàn một ancol X thì số mol CO_2 thu được bằng 75% số mol H_2O tạo thành; tổng số mol CO_2 và H_2O bằng $\frac{14}{9}$ lần tổng số mol của X và O_2 đã phản ứng. Cho 6,9 gam X tác dụng với Na dư thì thu được V lít H_2 (đktc). Giá trị của V là

- A. 2,52. B. 1,12. C. 1,28. D. 1,68.

Câu 45: Số đồng phân amin bậc hai ứng với công thức phân tử $C_4H_{11}N$ là

- A. 2. B. 4. C. 3. D. 5.

Câu 46: Khi cho dung dịch $Ca(OH)_2$ vào dung dịch $Ca(HCO_3)_2$ thấy có

- A. bọt khí và kết tủa trắng. B. kết tủa trắng xuất hiện.
C. kết tủa trắng sau đó kết tủa tan dần. D. bọt khí bay ra.

Câu 47: Hòa tan 54,44 gam hỗn hợp X gồm PCl_3 và PBr_3 vào nước được dung dịch Y. Để trung hòa hoàn toàn dung dịch Y cần 500 ml dung dịch KOH 2,6M. Thành phần % khối lượng của PCl_3 trong X là

- A. 30,31%. B. 12,25%. C. 8,08%. D. 26,96%.

Câu 48: Cho 75,2 gam hỗn hợp Fe và Cu vào 4 lít dung dịch HNO_3 a mol/l sau phản ứng thu được dung dịch X và 22,4 lít khí NO (đktc). Thêm dung dịch H_2SO_4 loãng dư vào dung dịch X lại thu được 4,48 lít NO (đktc). Biết NO là sản phẩm khử duy nhất trong 2 quá trình. Giá trị a là

- A. 1,5. B. 1,1. C. 1,0. D. 1,2.

Câu 49: Hòa tan hoàn toàn 20,5 gam hỗn hợp gồm ba kim loại Fe, Al, Cu bằng dung dịch HNO_3 loãng, dư thu được 8,96 lít khí NO (đktc, NO là sản phẩm khử duy nhất) và dung dịch X. Cô cạn dung dịch X thì lượng muối khan thu được là

- A. 90,5 gam. B. 58,8 gam. C. 94,9 gam. D. 45,3 gam.

Câu 50: Cho 2,7 gam Al tác dụng với dung dịch NaOH dư. Sau khi phản ứng kết thúc, thể tích khí H_2 (ở đktc) thoát ra là:

- A. 4,48 lít. B. 3,36 lít. C. 6,72 lít. D. 2,24 lít.

----- HẾT -----

SỞ GD&ĐT BÌNH THUẬN
ĐÁP ÁN THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2016, Môn Hóa học

Câu	Mã đề	132	209	357	485
1		A	B	D	D
2		B	D	C	A
3		B	A	D	B
4		A	C	C	B
5		C	A	B	B
6		B	A	D	C
7		C	D	A	B
8		A	B	D	D
9		A	B	A	C
10		B	A	A	A
11		D	B	A	B
12		D	B	B	D
13		A	D	D	C
14		C	A	A	A
15		B	A	A	B
16		C	C	C	A
17		C	A	B	D
18		C	A	D	D
19		B	B	D	C
20		A	A	C	A
21		D	C	B	D
22		B	B	B	D
23		D	C	D	A
24		C	D	B	D
25		D	C	D	D
26		A	C	B	A
27		A	C	D	B
28		A	A	A	D
29		D	C	D	C
30		C	D	A	C
31		C	A	B	A
32		B	C	A	B
33		B	B	B	C
34		D	B	C	C
35		D	C	A	B
36		C	A	D	B
37		D	A	C	D
38		A	D	D	D
39		D	D	C	A
40		A	D	C	B
41		A	B	B	A
42		A	B	C	A
43		C	D	A	C

44	D	A	C	A
45	B	D	D	C
46	D	C	C	B
47	C	C	B	A
48	A	B	A	C
49	B	D	B	C
50	B	D	C	B